

Bản án số: 13/2023/HSST  
Ngày 18/01/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hương Lan

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Hoàng Văn Tuấn và ông Phan Văn Tiến

***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Công Khuông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Xuân Long – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXX-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Giang Văn Th**, sinh ngày 20/3/1990, giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn PU, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12, nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Giang Bá V, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958, trú cùng địa chỉ với bị cáo. Họ và tên vợ: Lưu Thị Ph, sinh năm 1990, trú cùng địa chỉ với bị cáo. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 30/6/2022 chuyển tạm giam, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình - *Có mặt tại phiên tòa*

2. **Lê Kim Nhanh**, sinh ngày 10/6/1994, giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn LT, xã T1, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12, nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Lê Kim Th, sinh năm 1962, đã chết và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962, trú cùng địa chỉ với bị cáo. Họ và tên vợ: Phạm Thị Cẩm Nh, sinh năm 1999, trú cùng địa chỉ với bị cáo. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam- Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt tại phiên tòa*

***\* Bị hại:***

- Anh Phạm Bá D, sinh năm 1974 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4A, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh Kom Tum

*\* Người làm chứng:*

- Anh Võ Hải Th, sinh năm 1994 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Xóm 7, ĐL, huyện ĐH, tỉnh Kom Tum

- Anh A Kang Th, sinh năm 2003 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Xóm 7, ĐL, huyện ĐH, tỉnh Kom Tum

- Anh A K sinh năm 1998 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Xóm 7, ĐL, huyện ĐH, tỉnh Kom Tum

- Ông Giang Bá C, sinh năm 1947 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn PU, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình

- Ông Lê Đình Nh, sinh năm 1955 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn PU, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình

- Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1989 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn PU, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn PU, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình

- Bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1963 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn PU, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình

- Bà Ngô Thị H, sinh năm 1977 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn PU, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình

- Bà Dương Thị Nh, sinh năm 1967 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn PU, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 22/6/2022, Giang Văn Th và Lê Kim Nh đang đi ăn thì Th nhận được tin anh Phạm Bá D đưa máy gặt về xã TH. Thọ nói với Nh: “Chờ về nhà thằng D, nó đưa máy gặt về”. Sau đó Th và Nh về nhà ông Ngô Đức Th, sinh năm 1953, trú tại thôn PU, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình (là bố vợ anh D). Khi cả hai đến ngõ nhà ông Thắng thì gặp anh Phạm Bá D ở ngoài ngõ. Thọ chửi anh Dương: “Đ... mẹ, sao về không nói với tôi, lại đưa máy ra gặt”. Anh D nói: “Máy đang đi gặt hộ nhà bà thím là người nhà”. Thọ chửi: “Đ... mẹ, sao anh gặt diện tích lúa của tôi, đ... mẹ, ba năm trước về đây gặt, tôi giúp đỡ anh, giờ về anh lại không thèm gọi cho tôi một câu”. Anh D nói chỉ gặp giúp người nhà và bảo Th vào trong nhà nói chuyện. Thọ tiếp tục chửi anh Dương. Nhanh nói với anh D: “Anh em ra ngoài máy gặt nói chuyện”. Lúc này Th nhìn thấy 01 con dao mèo dài 50cm, vỏ bằng gỗ để ở hiên nhà ông Th, Th cầm dao dắt vào yếm xe và bảo Nh chở ra cánh đồng thôn PU, xã TH để chặn máy gặt của anh D. Khi Nh chở Th ra cánh đồng, thì anh D cũng đi xe mô tô theo sau. Đến đường làng thôn Phú U thì gặp máy gặt do anh Võ Hải Th điều khiển; trên máy gặt còn có các anh K, anh A Kang Thông

(những người này được anh D thuê gặt lúa) đi hướng ngược chiều. Nh dừng xe mô tô trước đầu máy gặt, Th xuống xe rồi nhảy lên ca bin của máy gặt chửi: “Đ... mẹ, ai cho chúng mày gặt diện tích lúa của tao”. Nh lấy con dao mèo ở xe mô tô (dao vẫn để trong vỏ) đứng bên cạnh máy gặt chửi: “Đ... mẹ, ai cho chúng mày gặt diện tích lúa của anh em tao”. Anh Th sợ, lên khoang đập của máy gặt trốn. Lúc này anh D đi xe mô tô đến, Th đi về phía anh D chửi: “Đ... mẹ, anh dám cướp đồng của tôi, anh theo tôi về quán nước nói chuyện”. Th ngồi lên sau xe mô tô của anh D, yêu cầu anh D chở đến quán nước nhà bà Dương Thị Nh cách đó khoảng 800m. Anh Th tắt máy xe gặt. Lúc này, Nhanh đi xe mô tô đến nhà ông Nguyễn Văn Kh là cậu của Nh cất dao ở cổng rồi quay lại dừng xe cách vị trí máy gặt khoảng 15m thì gặp bà Đỗ Thị L, sinh năm 1963 (mẹ vợ anh D). Nh nói: “Phép vua thua lệ làng, lẽ ra phải báo cáo với xã thì được cho máy xuống đồng” rồi đi về. Th và anh D đến quán nước nhà bà Nh, Th gọi 02 lon bia ra uống và nói với anh D: “Anh cho em mấy đồng uống nước, anh đưa cho em hai triệu thì máy gặt của anh mới đi được”. Anh D nói chưa gặt được diện tích lúa nào và xin để đưa máy về. Th nói: “Không được, anh nôn ra hai triệu thì hãy đưa máy về, luật ở đây nó thế”. Anh D tiếp tục xin nhưng Th không đồng ý nên anh D đã lấy trong ví ra 2.000.000 đồng (gồm 04 tờ tiền, loại mệnh giá 500.000 đồng) đưa cho Th. Lúc này anh D nhận được điện thoại của anh Th hỏi đã đưa máy gặt về được chưa. Anh D bảo đưa máy gặt về được rồi, sau đó anh D đi xe mô tô về trước. Th cầm tiền của anh D rồi gọi điện thoại bảo Nh đến quán nước đón. Nh đi xe mô tô đến đón Th. Trên đường về, Th nói với Nh: “Anh D cho một triệu tiền nước” và đưa cho Nh 500.000 đồng. Nhanh hiểu là do Nh và Th chửi, đe dọa anh D và anh em thợ gặt nên anh D sợ phải đưa tiền cho Th. Sau khi xảy ra sự việc, anh D làm đơn trình báo Công an huyện TT. Khoảng 07 giờ ngày 23/6/2022, Thọ và Nhanh đến gặp xin lỗi anh D và trả lại anh D 2.000.000 đồng. Ngày 24/6/2022, Thọ đến Công an huyện TT đầu thú.

- Cáo trạng số 120/CT-VKSTT ngày 28 tháng 11 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với hai bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 170; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Giang Văn Th phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, đề nghị xử phạt Giang Văn Th từ 2 năm đến 2 năm 3 tháng tù giam; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 170; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lê Kim Nh phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, đề nghị xử phạt Lê Kim Nh từ 1 năm 9 tháng đến 2 năm tù giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo. Công nhận thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và bị hại.

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa cả hai bị cáo đều khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi như cáo trạng đã truy tố. Cả hai bị cáo đều xác định mục đích của việc chặn

không cho máy gặt của anh D đi, chửi bới, dùng dao đe dọa vào ngày 22/6/2022 để anh D phải đưa tiền thì anh D mới được sử dụng máy gặt tại địa bàn xã TH, cụ thể đã lấy của anh D 2.000.000 đồng, trong đó Th được hưởng 1.500.000 đồng, Nh được hưởng 500.000 đồng.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện TT Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Bị cáo Giang Văn Th, Lê Kim Nh đều là những người trưởng thành, có sức khỏe, không có chức trách nhiệm vụ trong việc điều hành máy gặt thu tiền tại địa phận xã TH; biết rõ việc anh Phạm Bá D là người từ nơi khác cũng được quyền đến địa bàn xã TH để gặt lúa theo hợp đồng với nhân dân nhưng vì muốn chiếm đoạt tiền của anh D các bị cáo đã có hành vi dùng dao, lời lẽ chửi bới đe dọa và các hành động khác như chặn máy gặt, nhảy lên đầu máy gặt làm cho anh D và tốp thợ gặt phải dừng máy gặt giữa đường thôn PU. Bị cáo Giang Văn Th trực tiếp yêu cầu anh D phải đưa 2.000.000 đồng mới cho máy gặt lúa đi, anh D đã xin nhưng không được phải miễn cưỡng giao tiền cho bị cáo Th để đưa máy gặt đi. Số tiền 2.000.000 đồng lấy được của anh D, bị cáo Giang Văn Th hưởng 1.500.000 đồng, bị cáo Lê Kim Nh được hưởng 500.000 đồng. Các bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng đơn trình báo và lời khai của người bị hại, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở kết luận các bị cáo Giang Văn Th và Lê Kim Nh phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng đã truy tố các bị cáo với tội danh, điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

#### ***“Điều 170. Tội Cưỡng đoạt tài sản***

*1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;
- d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;
- đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
- e) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;
- b) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

- a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;
- b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3]. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Thọ ra đầu thú về hành vi phạm tội nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người tiếp nhận ý chí của nhau để đạt được mục đích là chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Bá D. Bị cáo Thọ là người tích cực hơn trong việc chủ bới đe dọa anh D và tốp thợ gặt, trực tiếp buộc anh D đưa tiền và nhận tiền do anh D đưa, được hưởng phần tài sản chiếm đoạt nhiều hơn, là người có vai trò chính thứ nhất và chịu mức hình phạt cao hơn trong vụ. Bị cáo Nh với vai trò đồng phạm, thực hiện hành vi đe dọa, chủ bới anh D và tốp thợ gặt, không cho máy gặt đi; khi biết rõ việc Th lấy được tiền của anh D đã đồng ý nhận 500.000 đồng, tuy

nhiên vì bị cáo Nh không trực tiếp nhận tiền của anh D nên đánh giá bị cáo Nh vai trò thứ hai, chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo Th.

[5]. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo sợ cho người lao động chân chính, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân do đó cần áp dụng Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt tù giam với mức hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Do các bị cáo không có công ăn việc làm, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã trả cho anh D số tiền đã chiếm đoạt Anh D đã nhận lại số tiền 2.000.000 đồng không yêu cầu bồi thường gì thêm. Việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa các bị cáo và bị hại là phù hợp với các Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự nên công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa các bị cáo và bị hại - Trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong.

[7]. Về xử lý vật chứng: 01 con dao dài 50cm bằng kim loại màu đen, dao đầu nhọn, loại 01 lưỡi; lưỡi dao dài 36cm, bản rộng nhất là 5,5cm; cán dao bằng kim loại dài 14cm, hình trụ, phần giữ cán dao được ốp gỗ hình trụ dài 7cm có các hình khắc trên gỗ; 01 vỏ gỗ dài 40cm màu nâu, bản rộng nhất là 6,5cm, vỏ dao có đục các lỗ hình tròn quản lý của anh Phạm Bá D là vật không có giá trị sử dụng nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại trước khi mở phiên tòa, người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên bị cáo không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giang Văn Th và Lê Kim Nh phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giang Văn Th 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù bắt từ ngày tạm giam, giữ ngày 24/6/2022

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Kim Nh 1(Một) năm 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án .

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự: Công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa các bị cáo và anh Phạm Bá D về việc bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh Phạm Bá D số tiền là 2.000.000 đồng. Trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 50cm bằng kim loại màu đen, dao đầu nhọn, loại 01 lưỡi; lưỡi dao dài 36cm, bản rộng nhất là 5,5cm; cán dao bằng kim loại dài 14cm, hình trụ, phần giữ cán dao được ốp gỗ hình trụ dài 7cm có các hình khắc trên gỗ; 01 vỏ gỗ dài 40cm màu nâu, bản rộng nhất là 6,5cm, vỏ dao có đục các lỗ hình tròn quản lý của anh Phạm Bá Dương. *(Vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 05/12/2022 giữa Cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy)*

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Giang Văn Th phải chịu 200.000đồng án hình sự sơ thẩm; bị cáo Lê Kim Nh phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện TT;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
- Công an huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hương Lan**

